

Bản án số: **73/2022/HS-ST**

Ngày 06-6-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Nhật Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tụ;
2. Bà Trịnh Thị Phương Châm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Sơn Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2022/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2481/2022/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đỗ Trường G**, sinh năm 1994 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 702/32 Đường Đ, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 53 Đường X, khu dân cư A, ấp N, xã K, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lễ tân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nù và bà Đỗ Thị Hồng U; Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt và tạm giam từ ngày 12/10/2021 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

1. Ông Nguyễn Khoa Đình T1, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 242 Đường B, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 8 ngách 343/2 Đường Đ, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị H5, sinh năm 1954; Địa chỉ: 176 Đường T, phường B2, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Hồng Mai L, sinh năm 1982; Địa chỉ: 54/1 Đường H, Phường M1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Bà Trịnh Thị Bích TH3, sinh năm 1977; Địa chỉ: 232/55/A1 Đường V, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Bà Triệu Thị Hồng N, sinh năm 1980; Địa chỉ: 14/1G Đường V, phường T5, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

5. Bà Đinh Thị Thanh N2, sinh năm 1955; Địa chỉ: 681 Trần Xuân Soạn, phường H7, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6. Ông Hoàng Trịnh L, sinh năm 1994; Địa chỉ: 109 Đường T, phường B1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

7. Ông Lê Vũ Thành P, sinh năm 1996; Địa chỉ 247/2 Đường V1, Phường M5, quận P5, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

8. Bà Nguyễn Ngọc TH7, sinh năm 1964; Địa chỉ 1360/1/18 Khu phố M, phường P4, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

9. Ông Huỳnh Quang TH1, sinh năm 1987; Địa chỉ 443/1C, Khu phố B, phường A, Quận M2, Thành Phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

10. Ông Đào TH, sinh năm 1977; Địa chỉ 60 Đường T, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài, nên trong thời gian làm lễ tân tại khách sạn trên địa bàn Quận N và Quận 1, Nguyễn Đỗ Trường G lợi dụng sơ hở của khách đến lưu trú tại khách sạn, Giang nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

*Vụ thứ nhất:* Khi là nhân viên lễ tân tại khách sạn E (địa chỉ: 242 Đường B, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh), vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 18/01/2020, G thấy ông Nguyễn Khoa Đình T1, là khách lưu trú tại phòng 439 của khách sạn E đi xuống, trên tay có cầm một túi nylon, bên trong có nhiều tiền nên G nảy sinh ý định lấy trộm tiền của ông T1. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, G thấy ông T1 đi ra khỏi khách sạn nên đã đến máy tính ở phòng lễ tân nhập thông tin làm thẻ từ của phòng 439 (ông T1 thuê để lưu trú) rồi cầm thẻ từ lên mở cửa phòng 439. Khi vào bên trong, G thấy gần kệ tủ tivi có một túi xách hiệu Lacoste màu trắng xanh bên trong có nhiều cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng và một cọc tiền mệnh giá “100 USD”. G lấy trộm 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 500 USD bỏ vào túi áo vest đồng phục của khách sạn, để túi xách và tiền lại ở vị trí ban đầu, rồi ra khỏi phòng quay trở lại sảnh khách sạn. Đến 17 giờ cùng ngày, G về nhà ở chung cư Quận B3, không quay lại khách sạn để làm việc và bỏ trốn. Sau khi chiếm đoạt tài sản, G đi đổi 500 USD ở một tiệm vàng (không nhớ địa chỉ) được khoảng 10.000.000 đồng. Sau đó ngày 19/01/2020, G đến Ngân hàng V Chi nhánh Nam Sài Gòn nộp số tiền 65.000.000 đồng, gồm: 50.000.000 đồng, 10.000.000 đồng đổi từ 500 USD (số tiền do trộm cắp mà có) và 5.000.000 đồng là tiền cá nhân vào tài khoản của mình số 08110000455xx, mở tại ngân hàng V. Ngày 20 và 21/01/2020, số tiền này G đã dùng để trả nợ vay qua app hết.

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/01/2020, ông Nguyễn Khoa Đình T1 quay về phòng 439 thì phát hiện bị mất trộm tiền nên đến Công an Phường B, Quận N để trình báo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 29/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận N kết luận: trị giá 500 USD là 11.537.500 đồng.

*Vụ thứ hai:* Vào khoảng cuối năm 2020 đến ngày 02/9/2021, G là nhân viên giám sát lễ tân tại khách sạn S (địa chỉ: 175 - 177 Đường L, phường B2, Quận M). Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/8/2021, G thấy ông Phạm Văn T2, là khách lưu trú tại phòng 602 của khách sạn S đi ra khỏi khách sạn. Biết trong phòng ông T2 thuê lưu trú có để nhiều ngoại tệ nên lợi dụng lúc ông T2 đi ra ngoài, G sử dụng chìa khóa từ dự phòng để vào phòng 602 tìm tài sản trộm cắp. Khi đi vào phòng ngủ, G nhìn thấy chiếc valy màu xám để trên bộ gỗ nên mở va ly để lấy tài sản có giá trị thì phát hiện 01 chiếc phong bì màu cam (có logo K GROUP) để trong chiếc va ly, trong phong bì đựng nhiều tờ tiền mệnh

giá 100 USD, G lấy trộm 7.100 USD rồi đi ra ngoài. Sau khi chiếm đoạt tài sản, G đem 2.000 USD ra tiệm vàng X, số 176 Đường T, phường B2, Quận M đổi được 45.000.000 đồng. Sáng ngày 30/8/2021, G tiếp tục đến tiệm vàng X đổi thêm 2.000 USD được 45.000.000 đồng; chiều cùng ngày, G đem 1.100 USD đến tiệm vàng X nhưng không đổi được nên G đem đổi cho một nam thanh niên (không rõ lai lịch) tại trước cửa tiệm vàng X, được 24.750.000 đồng. Sáng ngày 01/9/2021, G đến cửa hàng thu đổi ngoại tệ (quầy số 3) số 109 Đường T, phường B1, Quận M đổi 2.000 USD còn lại được 45.300.000 đồng. Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/9/2021, G tiếp tục quay lại phòng của ông T2 lấy trộm hết số tiền còn lại là 2.900 USD trong phong bì để trong valy của ông T2. Ngày 02/9/2021, G mang tiền đến cửa hàng thu đổi ngoại tệ (quầy số 3) số 109 Đường T, phường B1, Quận M đổi được 65.685.000 đồng. Toàn bộ số tiền 10.000 USD mà G lấy trộm của ông T2 đều đã đổi sang tiền Việt Nam được 225.735.000 đồng, số tiền trên G đã trả nợ, tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/9/2021, ông T2 phát hiện bị mất trộm số tiền 10.000 USD đựng trong phong bì màu cam, để trong valy. Do tình hình dịch bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 09/10/2021, ông T2 mới đến Công an phường B2, Quận M trình báo vụ việc.

Ngày 12/10/2021, qua truy xét Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 bắt giữ Nguyễn Đỗ Trường G.

Tại Kết luận định giá tài sản số 388/KL-HĐĐGTS ngày 27/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận:

- Trị giá 7.100 USD (thời điểm ngày 29/8/2021) là 164.272.700 đồng;
- Trị giá 2.900 USD (thời điểm ngày 01/9/2021) là 67.016.100 đồng.

Quá trình điều tra tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Nguyễn Đỗ Trường G khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của G phù hợp với các biên bản ghi nhận sự việc, biên bản thu giữ vật chứng, các sao kê tài khoản, biên bản nhận dạng, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản đối chất cùng lời khai của hai người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Bị hại ông Nguyễn Khoa Đình T1 khai bị mất số tiền 130.000.000 đồng và 500 USD, nhưng Nguyễn Đỗ Trường G khai nhận chỉ lấy số tiền 50.000.000 đồng và 500 USD. Ngoài lời khai trình báo của ông T1 không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh G đã lấy trộm số tiền 130.000.000 đồng. Gia đình Nguyễn

Đỗ Trường G và ông Nguyễn Khoa Đình T1 đã thống nhất thỏa thuận về số tiền bồi thường; sau đó ông T1 đã nhận số tiền 140.000.000 đồng.

Đối với 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) đã đổi 1.100 USD cho G, hiện chưa truy xét được, khi nào Cơ quan điều tra truy xét được sẽ xử lý sau.

Đối với bà Trần Thị H5 và Triệu Thị Hồng N là 02 người trực tiếp giao dịch mua bán đô la Mỹ với G tại tiệm vàng X và cửa hàng thu đổi ngoại tệ; cùng các ông, bà gồm: Nguyễn Hồng Mai L, Đinh Thị Thanh N2, Hoàng Trinh L, Lê Vũ Thành P (là những người giúp bà H5, bà N chuyển khoản tiền Việt Nam đồng đến tài khoản của G) khai không biết số tiền đô la Mỹ mua lại từ G là do trộm cắp tài sản mà có, phù hợp với lời khai của G; phù hợp với biên bản đối chất, biên bản nhận dạng và tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thu thập được.

Vật chứng vụ án gồm có: 01 (một) thẻ từ hình chữ nhật có lỗ tròn ở giữa, màu trắng, trên mặt thẻ có ghi chữ “hotel E HOCHIMINH CITY”, là thẻ từ G dùng để mở khóa cửa phòng 439 của khách sạn E (kèm hồ sơ vụ án); 01 (một) USB chứa dữ liệu ghi hình các lần bị cáo vào phòng 602 của khách sạn S để lấy trộm tài sản (kèm hồ sơ vụ án); 01 (một) phong bì màu cam, có ghi chữ “K GROUP”. Hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tạm giữ.

Số tiền 50.000.000 đồng và 10.500 USD, hiện chưa thu hồi được.

Thu giữ của Nguyễn Đỗ Trường G: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7; 01 (một) áo thun màu trắng có in chữ “Acesport.net”; 01 (một) quần lửng màu đen; 01 (một) quần Jean dài màu xanh; 01 (một) áo thun màu xám - trắng có in chữ “LIVE FAST FLY YOUNG”, là trang phục G mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông T2. Hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tạm giữ.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Đỗ Trường G đã bồi thường cho ông Nguyễn Khoa Đình T1 số tiền 140.000.000 đồng và ông Phạm Văn T2 số tiền 235.000.000 đồng. Ông T1 và ông T2 không có yêu cầu khác về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKSQ1 ngày 17 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đỗ Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nêu ý kiến kết luận như sau:

+ Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đỗ Trường G như nội dung bản cáo trạng. Việc xét hỏi tại phiên tòa đối với bị cáo đã đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Đề nghị áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 173, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Đỗ Trường G từ 05 năm đến 06 năm tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng và tội danh Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Đỗ Trường G tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác như lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản thực hiện hiện trường, bản ảnh và vật chứng thu giữ, các tài liệu khác đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14 giờ 20 phút ngày 18/01/2020 tại phòng 439 khách sạn E (địa chỉ: 242 Đường B, Phường B, Quận N) và vào các ngày 29/8 và 01/9/2021 tại phòng 602 khách sạn S (địa chỉ: 175 - 177 Đường L, phường B2, Quận M), Nguyễn Đỗ Trường G có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, 500 USD của ông Nguyễn Khoa Đình T1 và 10.000 USD của ông Phạm Văn T2; tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 292.826.300 (hai trăm chín mươi hai triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm) đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”,

tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh ở địa phương, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; tài sản chiếm đoạt được gia đình bị cáo khắc phục toàn bộ cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ là điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

[5] Đối với bà Trần Thị H5 và Triệu Thị Hồng N là 02 người trực tiếp giao dịch mua bán đô la Mỹ với G tại tiệm vàng X và cửa hàng thu đổi ngoại tệ; cùng các ông, bà gồm: Nguyễn Hồng Mai L, Đinh Thị Thanh N2, Hoàng Trịnh L, Lê Vũ Thành P khai không biết số tiền đô la Mỹ mua lại từ G là do trộm cắp tài sản mà có, phù hợp với lời khai của G; phù hợp với biên bản đối chất, biên bản nhận dạng và tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thu thập được nên chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với ông, bà nêu trên là có căn cứ

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt được gia đình bị cáo khắc phục toàn bộ cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường, nên phần dân sự không có gì giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Thu giữ của bị cáo 01 điện thoại Iphone 7, tại phiên tòa bị cáo khai nhận chuyển tiền đổi ngoại tệ trộm cắp từ điện thoại trên nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với 01 phong bì màu cam có ghi chữ “K GROUP”; 01 áo thun màu trắng, 01 quần lửng màu đen, 01 quần jean màu xanh, 01 áo thun màu xám tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) thẻ từ hình chữ nhật có lỗ tròn ở giữa, màu trắng, trên mặt thẻ có ghi chữ “hotel E HOCHIMINH CITY” và 01 (một) USB chứa dữ liệu ghi hình các lần bị cáo vào phòng 602 của khách sạn S để lấy trộm tài sản là các chứng cứ quan trọng nên tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a Khoản 3 Điều 173, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đỗ Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ Trường G 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2021.

2. Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 7, số Imei: 3553190804322xx; Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì màu cam có ghi chữ “K GROUP”; 01 áo thun màu trắng; 01 quần lửng màu đen; 01 quần jean màu xanh; 01 áo thun màu xám. (theo phiếu nhập kho vật chứng số 172/21-PNK ngày 18/10/2021 của Công an Quận 1).

3. Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.



***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP - hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Nhật Minh**